TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HSST
Ngày: 24 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Y Tha Mlô

- Bà Cao Thị Hồng Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Lê H**; sinh năm năm 1982, tại tỉnh Hòa Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Bùi Mạnh Đ, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1993; bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1980 (Có mặt);
Trú tại: Buôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Thành C và Bùi Lê H có mối quan hệ quen biết. Vào một ngày trong tháng 11 năm 2018 (không nhớ ngày cụ thể) tại nhà của anh C ở buôn P, xã E, huyện Č, tỉnh Đắk Lắk H hỏi mượn anh C 01 xe mô tô 47L7-1115 để làm phương tiện đi thăm mẹ của H là bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1950, trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) đang khám bệnh trên thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Anh C đồng ý và có đưa chìa khóa cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47L7-1115 cho H. Sau khi thăm mẹ xong, H nảy sinh ý định mang xe mô tô biển số 47L7-1115 đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lúc này, H điều khiển xe mô tô biển số 47L7-1115 đến ngã ba đường N và đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk gặp một người bạn tên N (không rõ nhân thân, lai lịch) làm nghề dán đề can dạo ở đây, H nhờ N cầm cố xe mô tô biển số 47L7-1115 với số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) thì N đồng ý. Sau đó, N gọi điện thoại cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) là bạn của N và nhờ người này đem xe mô tô biển số 47L7-1115 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô này đi cầm cố, một lúc sau người đàn ông quay lại và đưa cho H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). H sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân hết.

Khoảng 02 ngày sau, H bắt xe buýt về lại nhà anh C, do không thấy H đi xe mô tô biển số 47L7-1115 về thì anh C có hỏi xe đâu, lúc này H nói dối là để xe trên bệnh viện cho chị gái của H làm phương tiện đi lại chăm sóc mẹ. Nhiều ngày sau đó vẫn không thấy Hoàn trả lại xe mô tô cho mình, C có đến nhà H tìm gặp H để lấy lại xe thì H mới nói anh C là đã đem xe mô tô thế chấp lấy tiền và hứa sẽ lấy lại xe mô tô đem trả cho anh C nhưng sau đó H đã bỏ trốn khỏi địa phương và anh C không liên lạc được. Vì vậy đến ngày 15/5/2019 anh C đến Cơ quan Công an trình báo hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 47L7-1115 của H.

Khoảng tháng 3 năm 2019 anh Nguyễn Văn M mua chiếc xe mô tô biển số 47L7-1115 tại một tiệm mua bán xe máy cũ trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (không nhớ rõ địa chỉ cụ thể) với giá 7.000.000đ. Sau khi đưa tiền đầy đủ thì tiệm giao cho anh M 01 xe mô tô biển số 47L7-1115 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47L7-1115 quản lý, sử dụng. Ngày 04/11/2019, sau khi được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Č thông báo việc xe mô tô biển số 47L7-1115 liên

quan đến vụ việc đã nêu ở trên thì anh M đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô biển số 47L7-1115 cho Cơ quan Công an để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐGTS ngày 28/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Č kết luận: Xe mô tô biển số 47L7-1115 có giá trị còn lại là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKS- P3 ngày 21/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Bùi Lê H về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Lê H phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" .

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Lê H mức án từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Ngày 20/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Č trả lại: 01 xe mô tô biển số 47L7-1115 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47L7-1115 cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Thành C.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Č, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Trong một ngày của tháng 11 năm 2018, H hỏi mượn anh C xe mô tô 47L7-1115 để làm phương tiện đi thăm mẹ của H đang khám bệnh trên thành phố B. Sau khi thăm mẹ xong, H đã nảy sinh ý định và mang xe đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, H nhờ người khác đi cầm cố với số tiền 5.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự

Tại Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã bồi thường cho anh M số tiền 3.500.000đ và đã trả cho người bị hại số tiền 10.000.000đ, bị cáo được bị hại là anh Nguyễn Thành C làm đơn bãi nại về hình sự và dân sự, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần áp dụng khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi

đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị có cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, theo quy định tại khoản 3 Điều 36 BLHS thì người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với người đàn ông tên N mà H nhờ đem xe mô tô 47L7-1115 đi cầm cố và người đàn ông đã mang xe mô tô 47L7-1115 đi cầm cố, trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Č đã điều tra, xác minh nhưng vẫn không xác định nhân thân, lai lịch của những người này.

Đối với anh Nguyễn Văn M là người trực tiếp quản lý, sử dụng xe mô tô 47L7-1115 trước khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Č phát hiện và tạm giữ, anh M là người mua lại xe mô tô 47L7-1115 tại tiệm xe máy cũ ở thành phố B, khi mua anh M không biết chiếc xe mô tô này liên quan đến hành vi phạm tội, anh M đã tự nguyện giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Č không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn Văn M là có cơ sở.

[5] Về xử lý vật chứng: Ngày 20/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Č trả lại: 01 xe mô tô biển số 47L7-1115 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47L7-1115 cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Thành C là có căn cứ.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Lê H phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

[2]. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Lê H 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Bùi Lê H cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk phối hợp với gia đình bị cáo quản lý giáo dục bị cáo. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

[3]. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận ngày 20/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện Č trả lại 01 xe mô tô biển số 47L7-1115 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47L7-1115 cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Thành C.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Bùi Lê H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :
- Vụ GĐKT I, TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Công an huyện Cư M'gar;
- THADS huyện Cư M'gar,;
- Bị cáo; Bị hại; người có quyền & nv lq;
- UBND xã Ea Khal, huyện Ea H'Leo;
- Lưu: HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bế Văn Toàn